

QUAN HỆ GIỮA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VỚI NGÂN HÀNG

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Nhờ những qui định thông thoáng hơn của Luật Doanh nghiệp, nên 3 năm qua ở Quảng Bình, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng trên 200 doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN). Đến nay có trên 930 doanh nghiệp so với doanh nghiệp Nhà nước gấp 46,5 lần. Trong số 20 doanh nghiệp Nhà nước thì chỉ có 6 DN có qui mô tương đối lớn còn lại chỉ qui mô vừa và nhỏ. Chính vì thế số DNVVN này đã đóng góp vào Ngân sách Nhà nước trên 40% tổng thu Ngân sách địa phương; riêng năm 2005 đóng góp trên 60 tỷ, năm 2006 tăng 54%; giải quyết cho hơn 2 vạn lao động có công ăn việc làm, góp phần thực hiện 3 chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh nhất là chỉ tiêu xuất khẩu 2 năm 2005&2006 chiếm 80% trong tổng kim ngạch.

VĂN LẠC

Trong số doanh nghiệp ngoài quốc doanh đó có những doanh nghiệp cũng đi lên từ DNVVN như Công ty trách nhiệm hữu hạn Tổng hợp Trường Thịnh từ một một tổ hợp là Đội xe cơ giới thi công xây dựng cơ bản nay phát triển kinh doanh tổng hợp cả sản xuất công nghiệp, xây dựng giao thông, dịch vụ du lịch; đã xây dựng nhà máy mộc mỹ nghệ xuất khẩu và mạnh dạn đầu tư xây dựng khu du lịch Sun Spa Resort giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư 270 tỷ đồng đạt tiêu chuẩn 4 sao được Hiệp Hội Du lịch Việt nam bình chọn là một trong những khu du lịch tốt nhất ở nước ta đạt danh hiệu "Sao vàng đất Việt 2006". Tổng mức đầu tư năm 2002 chỉ 5 tỷ đồng nay đã lên 500 tỷ đồng. Các Ngân hàng đã tham gia gần 50%. Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Bình từ một doanh nghiệp Nhà nước (Cty Bia rượu Quảng Bình) sau khi liên doanh với Tổng Công ty bia và nước giải khát Hà Nội và cổ phần hoá đã đầu tư dây chuyền sản xuất bia chai hiện đại với công suất thiết kế 20 triệu lít/năm có công nghệ của Đức với tổng mức đầu tư 103 tỷ đồng (trong đó Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tham gia 43 tỷ), với sản phẩm mới bia Hà Nội-Quảng Bình cạnh tranh được với thị

trường, tăng doanh thu và lợi nhuận góp phần thu nộp Ngân sách địa phương từ bình quân chỉ 4 tỷ đồng, năm 2006 đã nâng lên 17 tỷ đồng, thu nhập bình quân của một Cán bộ công nhân đạt mức 2,6 triệu đồng/tháng. Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiếu Hằng cũng từ một Doanh nghiệp vừa nay đã trở thành con chim đầu đàn các doanh nghiệp trên lĩnh vực lưu thông. Gần đây đã khai trương Trung tâm thương mại hàng công nghiệp tiêu dùng chất lượng cao (còn gọi là Hiếu Hằng Plaza) với tổng số vốn đầu tư là 20 tỷ đồng. Ngày khai trương đã bán được 80 triệu đồng hàng hoá

Chừng ấy thôi cũng đủ minh chứng vai trò vị trí DNVVN là rất quan trọng, là nòng cốt cho sự phát triển kinh tế tỉnh nhà. Chính vì vậy các Ngân hàng trên địa bàn đã có sự quan tâm rất đặc biệt để mở rộng đầu tư tín dụng: từ năm 2003 chỉ có dư nợ là hơn 410 tỷ đồng thì cuối năm 2006 đã đạt trên 1.300 tỷ đồng gấp 3,2 lần. Tuy nhiên đã thoả mãn mọi nhu cầu chưa thì có thể nghiêm túc nói là chưa. Như đồng chí Cao Sỹ Kiêm Phó trưởng ban kinh tế TW, Chủ tịch Hiệp hội DNVVN trả lời phỏng vấn Thời báo Ngân hàng ngày 05/12/2006 về tình hình chung cả nước thì Ngân hàng chỉ mới đáp ứng được khoảng 30% vốn cho DNVVN; Quảng Bình có cao hơn (khoảng 36%). Nhưng dư nợ của DNVVN chỉ mới chiếm tỷ trọng 27% trên tổng dư nợ của các Ngân hàng

, tổ chức tín dụng trên toàn địa bàn. (1.300 tỷ / 5056 tỷ đồng). Sự hạn chế đó có thể có nhiều nguyên nhân nhưng chung qui là:

Thứ nhất: Đến nay đã gần 5 năm nhưng Quảng Bình là một trong 60 tỉnh, thành chưa thành lập được Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNVVN theo QĐ193-2001-QĐ-TTg ngày 20/12/2001. Do căn bản nhưng qui định trong QĐ chưa sát với thực tế. Trong đó qui định phần 70% vốn điều lệ (21 tỷ) chủ yếu là phần đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng là rất khó thực hiện. Vì doanh nghiệp cần "bà đỡ" đã khó khăn thì lấy nguồn đâu để đóng góp. Doanh nghiệp không gần lợi ích thì chẳng "mặn mà" gì trong đóng góp, hơn nữa quỹ bảo lãnh tín dụng là tổ chức không vì mục đích lợi nhuận. Còn các tổ chức tín dụng thì theo điều 69 của Luật các Tổ chức tín dụng thì chỉ cho phép "dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác"; không cho sử dụng vào một mục đích nào khác. Mặt khác là tổ chức bảo lãnh với đối tượng và phạm vi rất rộng ngoài DNVVN còn có các HTX, hộ nông dân nhưng nguồn vốn chủ yếu chỉ có vốn điều lệ 30 tỷ thì hoạt động sẽ sớm dẫn đến bế tắc hay ngừng hoạt động. Đã thế nhưng để được xem xét bảo lãnh đơn vị được cấp bảo lãnh phải nộp bảo lãnh gồm hai khoản phí: thẩm định hồ



sơ bảo lãnh 50.000 đồng và phí bảo lãnh tín dụng bằng 0,8%/năm tính trên số tiền được bảo lãnh tín dụng, ngoài lãi suất Ngân hàng (nếu được vay vốn). Như vậy những đơn vị cần "bà đỡ" đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Để được vay vốn Ngân hàng thì sau khi được duyệt bảo lãnh còn phải qua cửa Quỹ hỗ trợ phát triển (vì quy định QBLTD uỷ thác cho Quỹ hỗ trợ phát triển điều hành tác nghiệp) rồi mới đến cửa Ngân hàng. Thời gian qua 3 cửa đó chắc rằng sẽ kéo dài, mất thời cơ làm ăn của DN...

Thứ hai: Các DNVVN khi mới ra đời để khởi nghiệp có thể nói còn rất nhiều lúng túng từ khâu lập kế hoạch, xây dựng dự án, hạch toán đến phân tích và nắm bắt thông tin thị trường. Điều đó đã hạn chế nhất định đến mối quan hệ với Ngân hàng. Hỗ trợ DNVVN là vấn đề đặt ra rất cần thiết, bức bách.

Thứ ba: Các DNVVN phần nhiều còn thiếu minh bạch về tài chính. Các báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của các DN này thường không đầy đủ các thông tin và trong điều kiện chưa được kiểm toán nên độ tin cậy với Ngân hàng bị hạn chế; Ngân hàng cũng khó khăn trong đánh giá.

Thứ tư: Thời gian đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan chức năng kéo dài không được như qui định nên ảnh hưởng đến thời cơ làm ăn của DN cũng

như cho vay của NH.

Thứ năm: Tài sản của DNVVN để thế chấp rất hạn chế, chủ yếu vẫn là bất động sản nhưng việc định giá tài sản thế chấp để xác định mức cho vay thì vẫn còn vướng mắc. Thị trường bất động sản chưa hình thành và chưa được quản lý nên giá cả biến động không bình thường, không kiểm soát được và định giá hết sức khó khăn tạo rủi ro về khả năng thu nợ. Khung giá đất do UBND tỉnh công bố hàng năm lại quá thấp so với thực tế. Định giá cao thì sợ rủi ro, ngược lại thì khách hàng không đồng ý vì hạn chế số tiền mà khách hàng có thể được vay.

Thứ sáu: Nhiều DNVVN cần vay vốn Ngân hàng để đầu tư mở rộng hay cải tiến kỹ thuật bằng công nghệ hiện đại để có sản phẩm mới, cạnh tranh với thị trường nhưng nguồn vốn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng rất hạn chế.

Những nguyên nhân mà Ngân hàng chưa mở rộng được tín dụng với DNVVN nói trên cũng là những vấn đề đặt ra mà bản thân doanh nghiệp, Ngân hàng và các ngành hữu quan cần nghiên cứu xem xét để tháo gỡ. Trước tiên Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính cần tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ để xem xét sửa đổi căn bản hay thay thế bằng một QĐ khác mà có thể

khắc phục được những bất cập của QĐ193/2001-QĐ-TTg đã nói trên. Về phía các Ngân hàng thương mại điều cốt lõi là tìm những giải pháp mới để có thể huy động được nhiều hơn nguồn vốn trung dài hạn nhằm đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của doanh nghiệp ngày càng lớn. Để nghị Chính phủ nghiên cứu và xây dựng một Quỹ tài trợ cho DNVVN như nhiều nước đã thực hiện; hay như Ngân hàng Phát triển Trung Quốc đã đưa ra một mô hình mà theo đó vốn Ngân hàng được giải ngân cho DNVVN với sự bảo lãnh của chính quyền địa phương. Ngân hàng hỗ trợ tài chính với tư cách là nhà bán buôn, chính quyền địa phương chịu trách nhiệm điều phối, cấp các khoản vay và hỗ trợ quản lý. Các Ngân hàng thương mại đồng thời với hỗ trợ tài chính cần có những chương trình *hỗ trợ phi tài chính* như cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ thông tin, hạch toán... để giúp họ thấy những điểm yếu và tự vươn lên.

Chỉ có giải quyết được những bất cập nói trên mới tạo điều kiện để DNVVN mở rộng quan hệ vay vốn với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng góp phần thúc đẩy DNVVN phát triển bền vững; góp phần tích cực hơn trong thực hiện các mục tiêu kinh tế của NQ tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV cũng như NQ X của TƯ Đảng ■